

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

Số: 01 /2015/BCTN

---

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2015*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014  
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành là Công ty TNHH Công nghệ Việt Thành, được thành lập vào năm 2002. Công ty đã đạt được nhiều thành quả trong quá trình kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tại hai thị trường chính là TP. Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển, Công ty đã chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2013.

Ngày 3/6/2013, UBCK Nhà Nước đã có văn bản số 2212/UBCK-QLPH chấp thuận cho Công ty CP Công Nghệ Việt Thành là công ty CP đại chúng

Ngày 6/12/2013, Công ty đã được cấp mã chứng khoán VTT theo nội dung giấy chứng nhận số 27/2013/GCNCP-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

#### a. Thông tin chung:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH
- Tên tiếng Anh: VIET THANH TECHNOLOGY CORPORATION.
- Tên giao dịch viết tắt: VITA CORP.
- Địa chỉ giao dịch: Tầng trệt tòa nhà Indochina, số 4 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 39110022
- Fax: (08) 39117225
- E-mail: [info@cablenet.vn](mailto:info@cablenet.vn)
- Website: [www.cablenet.vn](http://www.cablenet.vn)
- Vốn điều lệ: **42.000.000.000 đồng.**
- Mã cổ phiếu: VTT
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động viễn thông có dây, dịch vụ truyền hình cáp và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### b. Quá trình phát triển kinh doanh:

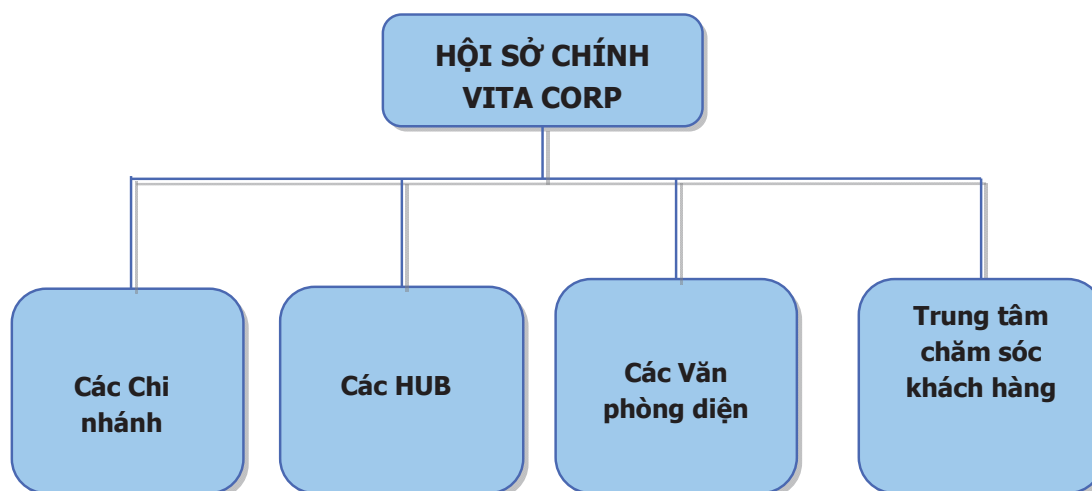
Thời gian	Chi tiết hoạt động
Năm 2002	Thành lập Công ty TNHH Công Nghệ Việt Thành
Năm 2004	Ký hợp đồng hợp tác với HTV tại địa bàn TP.HCM

Năm 2007	Ký hợp đồng hợp tác với HTV tại địa bàn Đồng Nai
Năm 2009	Triển khai dịch vụ cable internet trên mạng cáp TP.HCM
Năm 2011	Triển khai dịch vụ cable internet trên mạng cáp Đồng Nai
Năm 2012	Đạt cột mốc 250,000 thuê bao
Năm 2013	Trở thành Công ty đại chúng, đón nhận nhà đầu tư VTV cab
Năm 2014	Năm thứ hai liên tiếp vào Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty và cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty được thể hiện như hình dưới đây:

### Sơ đồ cơ cấu tổ chức



#### **Các Chi nhánh:**

- ✓ Tại 1269 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai.
- ✓ Tại 35, Khu phố 4 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

#### **Các HUB:**

Hệ thống hạ tầng mạng truyền dẫn hiện có 06 HUB đặt tại các địa chỉ sau:

- ✓ Tầng trệt tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. HCM;
- ✓ Lầu 5, nhà số 1 bà Triệu, P.12 Quận 5;
- ✓ 60 đường 817A Tạ Quang Bửu, P.5, Quận 8;
- ✓ 35 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Thuận, Quận 7;
- ✓ F2/29T Liên ấp 62, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp.HCM;

- ✓ Đài Phát Thanh Truyền Hình Đồng Nai;

#### ***Các Văn phòng đại diện:***

- ✓ Tầng trệt tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1;
- ✓ 46 đường số 65 KDC Tân Quy Đông, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- ✓ 938B Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, TP. HCM.
- ✓ F2/29T Liên ấp 62, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp.HCM.
- ✓ 255-257 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TP. HCM.

#### ***Trung tâm chăm sóc khách hàng:***

- ✓ Tại tầng trệt tòa nhà Indochina, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TPHCM

### **Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý**

#### ***Đại hội đồng cổ đông***

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### ***Hội đồng quản trị***

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty có 06 thành viên, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

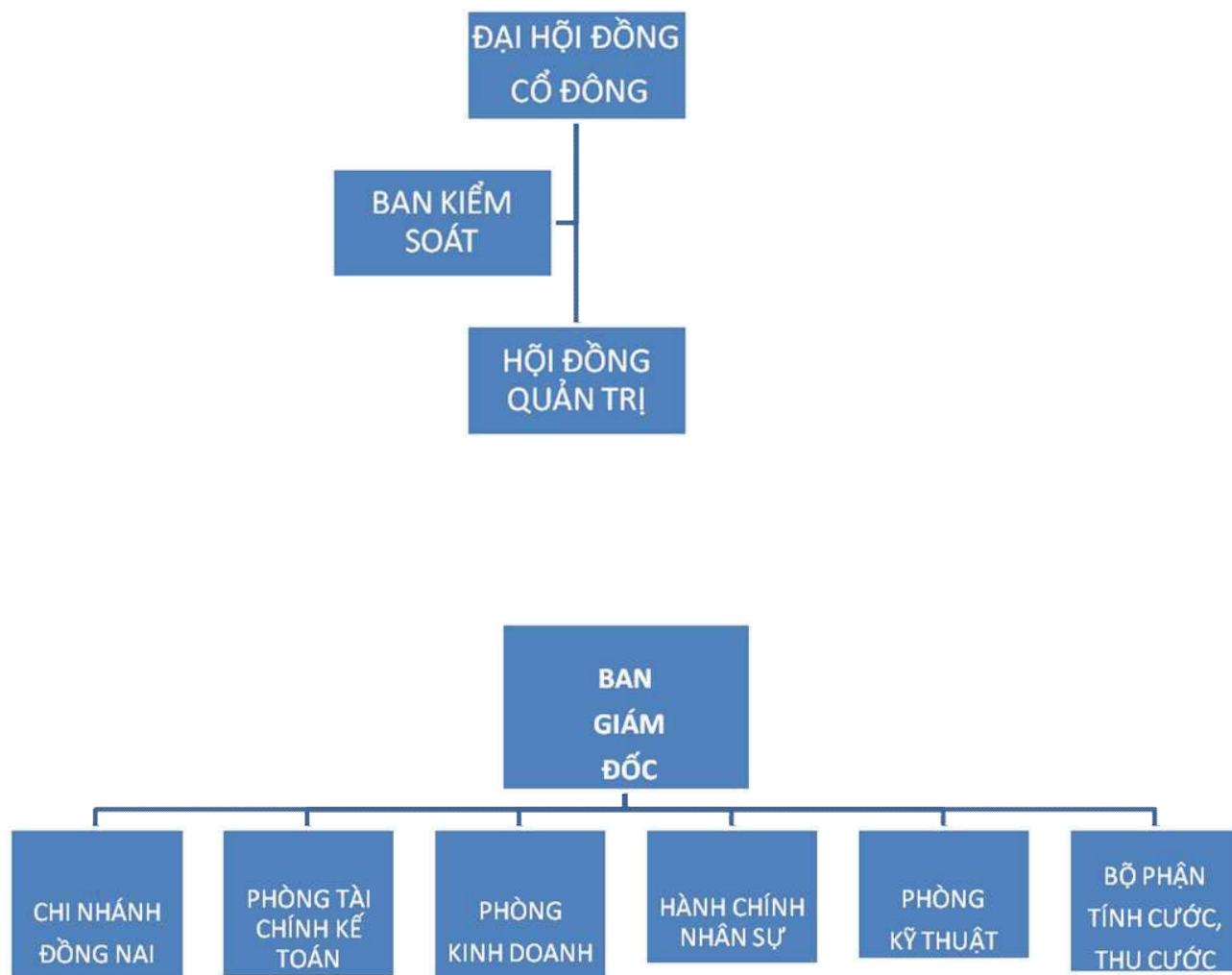
#### ***Ban kiểm soát***

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý báo cáo tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### ***Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty, nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc và các phòng, ban trực thuộc.

### Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



### 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Dưới đây là một số chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 và 2014.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tăng/giảm	Năm 2014	Năm 2013
----------	-----------	----------	----------

Tổng tài sản	+ 49 %	195.553	131.074
Doanh thu thuần	+ 5 %	216.707	206.001
Lợi nhuận trước thuế	+ 19%	105.679	88.822

#### 4. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức lợi tức hợp lý.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ xem xét, quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm.

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ghi chú
1. Ông Hoàng Ngọc Huấn	Chủ Tịch HĐQT	1973	TGD VTV Cab
2. Ông Phạm Công Tú	Thành viên HĐQT	1956	
3. Ông Tomohiro Fujita	Thành viên HĐQT	1966	
4. Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên HĐQT	1965	P.TGD VTV cab
5. Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên HĐQT	1973	TGD Công ty
6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	1976	GĐ. Marketing VTV Cab

**Tóm tắt lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:**

#### **Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ Tịch HĐQT**

- Năm sinh : 1973
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ

- Quá trình công tác:
  - √ 06/1998-09/2000: Công ty TNHH Đông Dương
  - √ 10/2000-06/2001: Cty TNHH IC Việt Nam
  - √ 07/2001-12/2003: Công ty TNHH Dược phẩm Á Đông
  - √ 05/2004-08/2013: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### **Ông Phạm Công Tú - Thành Viên HĐQT**

- Năm sinh : 1956
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
  - √ 1982-1990: nhà máy điện tử Tesla, Cộng Hòa Séc.
  - √ 1990-hiện nay: chủ tịch Công ty Pama spol sr.o, Cộng Hòa Séc
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị

#### **Ông Tomohiro Fujita –Thành viên HĐQT**

- Năm sinh : 1966
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình, tốt nghiệp năm 1989
- Quá trình công tác: 26 năm
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc quản trị các dự án đầu tư tại ACA Investment Pte Ltd (Singapore)
- Từ ngày 17/3/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghệ Việt Thành

#### **Ông Nguyễn Văn Ninh- Thành viên HĐQT**

- Năm sinh : 1965
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:
  - √ 1992 đến 3/1998: Công tác tại Đài PTTH tỉnh Ninh Bình- Trưởng phòng quản lý cơ sở
  - √ 1998 đến 2004: Công tác tại Đài Truyền hình Việt Nam
  - √ 2004 đến nay: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị

### **Ông Phạm Tiến Hiệp - Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty**

- Năm sinh : 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA).
- Quá trình công tác:
  - √ Từ năm 1996-2000: Công ty TNHH Quốc Minh (Hà Nội)
  - √ Từ năm 2001-2002: VPĐD Công ty Pama Spol sr.o (Cộng Hòa Séc) tại Việt Nam.
  - √ Năm 2002: đồng sáng lập Công ty TNHH Công Nghệ Việt Thành.
  - √ Từ năm 2003-2005: Phó Giám Đốc Công ty .
  - √ Từ năm 2006 tới nay đảm nhiệm chức vụ Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám Đốc Công ty.

### **Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương- Thành Viên HĐQT**

- Năm sinh : 1976
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:
  - √ 1998-2001: Công ty Đầu tư – Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi
  - √ 2001 đến nay: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.

## **2. Ban kiểm soát**

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát gồm có:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Nghề nghiệp</b>
1. Ông Phạm Xuân Dương	Trưởng ban	1976	Kế toán-TC
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	1976	Kiểm toán
3. Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên	1981	Luật sư

## **3. Ban giám đốc**

Danh sách Ban Giám đốc của Công ty hiện tại gồm có:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Nghề nghiệp</b>
------------	----------------	-----------------	--------------------



1. Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc	1973	Quản trị kinh doanh
2. Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc	1981	Kỹ sư viễn thông
3. Bà Lê Hồng Chi	Kế toán trưởng	1975	TCKT

#### 4. Chính sách đối với người lao động

##### a. Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2014 là 235 người, với cơ cấu như sau:

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>235</b>	<b>100%</b>
Đại học	45	19.1%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	133	56.6%
Lao động phổ thông	57	24.3%
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>235</b>	<b>100%</b>
Cán bộ quản lý	20	8.5%
Nhân viên gián tiếp	75	31.9%
Nhân viên trực tiếp	140	59.6%

##### b. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp Công ty trả lương theo sản phẩm. Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao năng suất lao động, Công ty xem xét và tăng lương cho cán bộ, nhân viên theo vị trí công việc và mức độ hoàn thành công việc.

Mức thu nhập của các bộ phận, nhân viên được nâng cao đáng kể từ chế độ khen thưởng, bao gồm các hình thức: lương tháng 13, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty năm 2014 tăng 4.2% so với năm 2013.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty: 4.200.000 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó:

Cổ phần phổ thông: 4.200.000 CP

Cổ phần ưu đãi: (không có)

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: (không có)

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 CP

Cổ phiếu quỹ: (không có)

### b. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 19/3/2015 (theo văn bản số 209/2015-VTT/VSD-ĐK) của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền bỏ phiếu tại đại hội thường niên như sau:

STT	Nội dung	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
<b>A</b>	<b>Vốn cổ phần</b>	4.200.000	100%	144	2	142
1.	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0	0
2.	Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	4.121.760	98,14%	5	2	3
3	Khác	78.240	1,86%	139	0	139
<b>B</b>	<b>Phân theo quốc tịch</b>					
1	Cổ đông trong nước	3.155.240	75.12%	142	1	141
2	Cổ đông nước ngoài	1.044.760	24.88%	2	1	1
<b>C</b>	<b>Phân theo đối tượng sở hữu</b>					

1	Cổ đông sở hữu nhà nước	2.142.000	51%	1	1	0
2	Cổ đông sở hữu tư nhân	2.058.000	49%	143	1	142

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Năm 2014 tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi)

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	(+/-)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Năm 2014 (thực hiện)	Theo NQ ĐHCĐ
Doanh thu thuần	%	- 1.36%	217 tỷ	220 tỷ
Lợi nhuận trước thuế	%	+ 32.5%	106 tỷ	80 tỷ

Trong đó kết quả kinh doanh năm 2014 như sau:

CHỈ TIÊU	Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>216,706,563,295</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>105,679,160,412</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24,813,346,486
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2,972,043,989)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>82,347,245,122</b>

### 2. Những điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh

Năm 2014 tình hình thị trường truyền hình cáp tại TPHCM sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Việc duy trì số thuê bao analog gặp nhiều khó khăn, đặc biệt một số khu vực mạng cáp đã xuống cấp sau gần 10 năm khai thác dịch vụ. Trong 3 tháng cuối năm 2014 và đầu năm 2015, Công ty đã tập trung vào công tác đầu tư sửa chữa mạng cáp tại TPHCM và cố gắng hoàn tất sửa chữa nâng cấp 50% hạ tầng mạng cáp của địa bàn này trong năm 2015.

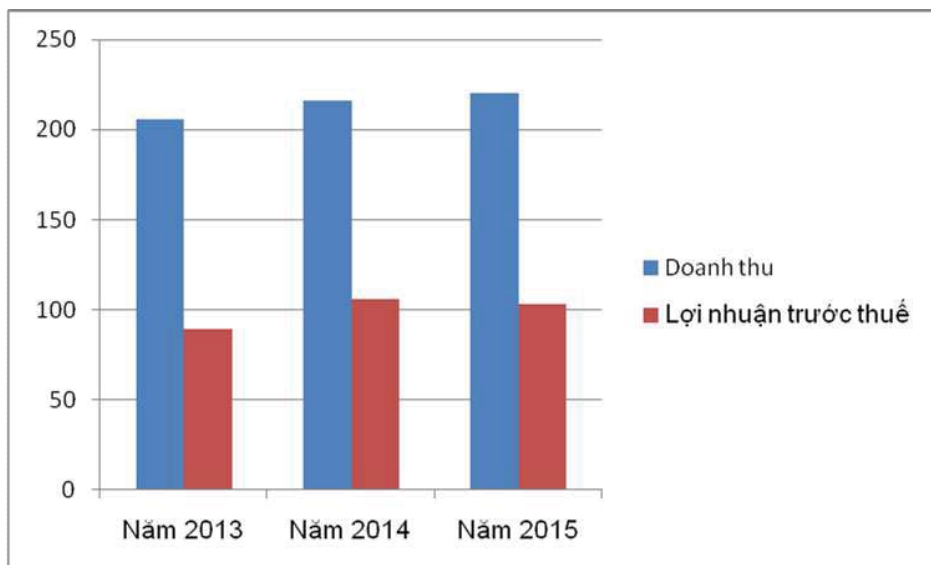
Địa bàn Đồng Nai vẫn duy trì ổn định số lượng thuê bao mặc dù cũng thực hiện tăng phí và bắt đầu có sự cạnh tranh mạnh mẽ từ đối thủ.

Năm 2014 duy trì được doanh thu ngang với năm 2013, về lợi nhuận đạt mức tăng trưởng đáng kể so với 2013 là cố gắng của tập thể toàn Công ty.

Về hồ sơ xin cấp phép thiết lập mạng viễn thông cố định của Công ty: căn cứ quyết định số 01/QĐ/TTg/2015 của Thủ tướng chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/3/2015 cho phép doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường truyền dẫn phát sóng truyền hình trả tiền. Hiện nay Bộ Thông tin & Truyền Thông đang trình chính phủ ban hành nghị định mới để thay thế quyết định 20/QĐ/TTg. Các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động cho tới khi có nghị định mới và Thông tư hướng dẫn thực hiện về thủ tục cấp phép.

Về mục tiêu tăng thêm 40,000 thuê bao từ Dự án sáp nhập thêm mạng cáp khác đã thông qua chủ trương từ đại hội cổ đông thường niên 2014: không thực hiện được vì môi trường đầu tư chưa cho phép

### 3. Kế hoạch kinh doanh năm 2015



Năm 2015 đặt mục tiêu doanh thu cao hơn 2014 khoảng 2%, lợi nhuận giảm 3% so với năm 2014.

Doanh thu tăng do đưa gói dịch vụ HDTV vào khai thác, lợi nhuận giảm 3% do chi phí khấu hao TSCĐ là mạng cáp mới đầu tư nâng cấp.

Mục tiêu định hướng kinh doanh cho năm 2015:

- Duy trì ổn định các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong tình hình thị trường cạnh tranh với sự xuất hiện của các doanh nghiệp viễn thông khác tham gia vào lĩnh vực truyền hình trả tiền

- Cải tạo mạng cáp, nâng cao chất lượng dịch vụ. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng
- Triển khai gói kênh số cho địa bàn Đồng Nai, cung cấp tới khách hàng thuê bao gói dịch vụ cao cấp HDTV để tăng doanh thu và giữ khách hàng lâu dài
- Phối hợp chặt chẽ và liên tục với VTV cab triển khai các chương trình giữ thuê bao truyền thống
- Thu nhập của người lao động tăng 5-10% so với năm 2014
- Cổ tức chi trả phần đầu ngang bằng với năm 2014
- Triển khai đầu tư mở rộng mạng cáp, mở rộng phạm vi kinh doanh phù hợp với chiến lược của HĐQT đề ra

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

Năm 2014 là năm có những khó khăn nhất định tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, mặc dù vậy tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBNV công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do HĐQT giao như sau:

- Đạt 98% kế hoạch về doanh thu và 130% kế hoạch về lợi nhuận
- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước với tổng số thuế đã nộp là 33 tỷ đồng
- Tăng tiền lương bình quân cho người lao động

Mặc dù vậy, tại địa bàn TP.HCM năm 2014 còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Số thuê bao rời mạng còn nhiều do tình hình cạnh tranh của nhiều nhà mạng với nhiều loại hình dịch vụ video. Hạn chế về chất lượng nội dung gói kênh và chất lượng công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng
- Hiệu quả một số mặt hoạt động như công tác thu cước, công tác triển khai kinh doanh tiếp thị phát triển thuê bao mới và chống cạnh tranh chưa cao

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty**

Hoạt động điều hành của Ban Giám Đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ của Công ty và định hướng của HĐQT. Hoàn thành kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ phát triển theo các định hướng sau đây:

- Tiếp tục phát triển để trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp, cáp internet hàng đầu trên thị trường truyền hình trả tiền tại miền Nam Việt Nam.
- Trên cơ sở hợp tác liên kết với công ty viễn thông phù hợp, sử dụng mạng cáp quang rộng khắp để nâng số lượng node quang đạt chuẩn HFC 500 hoặc cao hơn, đảm bảo mạng cáp đủ năng lực cung cấp dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ phụ trội trên mạng truyền hình cáp như truyền hình độ nét cao HDTV, cable internet, Voice over IP...
- Kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự điều hành theo yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh phù hợp với đặc thù của thị trường truyền hình trả tiền.
- Rà soát, chỉnh sửa, ban hành các quy chế, quy định và quy trình làm việc theo lề lối chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới để có thể nâng cao chất lượng và tối ưu việc khai thác dịch vụ internet trên mạng truyền hình cáp. Công nghệ trên nền tảng DOCSIS truyền thống sẽ được tiếp tục khai thác cùng với những công nghệ mới thích hợp với điều kiện, chất lượng mạng truyền hình cáp tại Việt Nam như EoC (Ethernet over Cable). Công ty sẽ Hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, đặc biệt các nhà cung cấp dịch vụ còn trẻ nhưng có hạ tầng viễn thông phân phối rộng khắp để có thể tận dụng được tài nguyên và khai thác tối đa dịch vụ trên mạng lưới thuê bao sẵn có của Công ty.

## **V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Hoạt động của BKS.**

BKS Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành có 03 thành viên hoạt động theo chế độ kiểm nhiệm, trong đó Ông Phạm Xuân Dương là Trưởng ban, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và bà Trần Như Quỳnh là thành viên. Năm qua BKS thực hiện chức năng của mình thông qua các hoạt động sau đây:

+Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành trong việc quản trị, điều hành Công ty.

-Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Ban điều hành.

-Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, kiểm tra công tác quản trị điều hành của Công ty.

-Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành.

+Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc Ban hành các quy định nội bộ, xây dựng các quy trình hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như: Quy chế mua sắm, Quy chế trả lương cho CBNV, Hệ thống thang bảng lương để đóng Bảo hiểm cho CBNV, Cơ chế khoán cho nhân viên Bảo trì-Thu cước...

+Kiểm tra giám sát tính tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các Phòng ban và Chi nhánh trực thuộc Công ty.

+BKS đã thẩm định và xác nhận số liệu của Báo cáo tài chính Công ty cổ phần kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014.

Qua kết quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát đã kịp thời phát hiện các tồn tại trong các mặt hoạt động của Công ty để đề xuất, kiến nghị Ban điều hành chấn chỉnh, khắc phục nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

## **2.Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.**

-Trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ, HĐQT và Ban Giám đốc đều có sự phân công công việc cụ thể, chi tiết cho từng thành viên.

-Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tiến hành đúng thủ tục, trình tự, quy định của Pháp luật, quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Công ty.

-HĐQT thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết và kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

-Ban Giám đốc bám sát để triển khai theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để thực hiện các chỉ tiêu năm 2014. Các quyết định của Ban Giám đốc ban hành theo đúng thẩm quyền.

## **3.Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành (BCTC) kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.**

### 3.1 Các căn cứ dữ liệu để thẩm định:

+ BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 do Ban Giám đốc lập theo các mẫu biểu do Bộ Tài chính ban hành, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Các thuyết minh đính kèm.

+Một số tài liệu liên quan khác.

3.2 Xác nhận BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 và các chỉ tiêu hoạt động chính năm 2014 của Vita.

3.2.1 BKS xác nhận BCTC kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Vita được lập theo đúng các quy định và phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Pháp luật về Kế toán, thể hiện đúng và hợp lý tình hình tài chính của Vita.

**4. Phối hợp công việc giữa BKS, HĐQT và Ban Giám đốc:**

-BKS giữ mối quan hệ thường xuyên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty; được cung cấp hồ sơ, tài liệu, các thông tin có liên quan đến chương trình làm việc.

-Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định.

-Trong năm qua BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

**Phần II. Phương hướng, kế hoạch công tác của BKS năm 2015**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành trong việc quản trị, điều hành Công ty.

-Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Ban điều hành.

-Tham mưu tư vấn cho HĐQT, Ban Giám đốc trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành.

2. Ban hành các quy định nội bộ, xây dựng các quy trình hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty và hoàn thiện quy chế hoạt động của BKS.

3. Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ Kế toán và các tài liệu khác của Công ty hoặc kiểm tra bất thường theo quyết định của người có thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính năm, hàng quý của Công ty. Báo cáo ĐHCĐ về kết quả thẩm định BCTC, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cần trọng trong công tác Kế toán, thống kê và lập BCTC.

5. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành.

6. Tham gia các lớp đào tạo, hội nghị, hội thảo để nâng cao trình độ chuyên môn.

7. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ Công ty, của Pháp luật và theo đề nghị của HĐQT, Ban Giám đốc.



Trên đây là báo cáo về việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao của BKS năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2015. BKS xin kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Việt Thành.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH THỜI KỲ TỪ 1/1/2014 TỚI 31/12/2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Ngọc Huân	Chủ tịch
Ông Phạm Công Tú	Thành viên
Ông Tomohiro Fujita	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014)
Bà Phạm Thị Kim Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên
Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Huy Hoàng	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Chữ ký và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Tiến Hiệp**  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2015

1250  
CHI N  
CÔNG  
H NHI  
ELC  
VIỆT  
1 - TR

Số: 681 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 4 năm 2015, từ trang 4 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 02 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Lê Chí Nguyễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0049-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
*Ngày 11 tháng 4 năm 2015*  
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**Bùi Quốc Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2133-2013-001-1

286  
CÔNG  
CỔ P  
NG  
T  
- TH

C. T. D. A.  
IAN  
H. M. P.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>155.599.988.739</b>	<b>86.237.003.708</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>131.346.966.251</b>	<b>44.320.077.195</b>
1. Tiền	111		14.505.130.014	14.934.077.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		116.841.836.237	29.386.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	11.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.377.778.585</b>	<b>39.005.064.323</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.762.471.287	34.998.373.503
2. Trả trước cho người bán	132		904.739.841	2.988.754.423
3. Các khoản phải thu khác	135		151.960.715	3.459.329.655
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.441.393.258)	(2.441.393.258)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.550.255.361</b>	<b>1.918.211.555</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.550.255.361	1.918.211.555
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>324.988.542</b>	<b>993.650.635</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		91.488.542	741.886.635
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		233.500.000	251.764.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>39.953.386.717</b>	<b>44.837.132.920</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.178.857.732</b>	<b>44.561.417.444</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	32.276.739.574	40.166.109.132
- Nguyên giá	222		176.275.712.338	168.694.322.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.998.972.764)	(128.528.213.604)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		92.000.000	92.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.000.000)	(92.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.902.118.158	4.395.308.312
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.774.528.985</b>	<b>275.715.476</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		493.984.996	131.895.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8	2.972.043.989	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		308.500.000	143.820.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>195.553.375.456</b>	<b>131.074.136.628</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>53.104.376.648</b>	<b>42.821.244.928</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.104.376.648</b>	<b>42.821.244.928</b>
1. Phải trả người bán	312		15.014.543.717	22.679.620.512
2. Người mua trả tiền trước	313		24.200.000	45.705.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	10.436.717.538	8.473.215.393
4. Phải trả người lao động	315		2.604.224.781	2.388.705.405
5. Chi phí phải trả	316		15.546.048.534	475.087.426
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	7.615.062.108	6.325.172.536
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.863.579.970	2.433.738.656
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>142.448.998.808</b>	<b>88.252.891.700</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>142.448.998.808</b>	<b>88.252.891.700</b>
1. Vốn cổ phần	411		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.717.226.137	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.731.772.671	46.252.891.700
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>195.553.375.456</b>	<b>131.074.136.628</b>

Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập biểu

Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 11 tháng 4 năm 2015

128  
HỊ N  
CÓN  
H NH  
ELC  
/IET  
- TP



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	216.706.563.295	142.554.150.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	384.909.119
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		216.706.563.295	142.169.241.180
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	97.569.044.967	1.136.062.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		119.137.518.328	141.033.178.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.053.433.417	199.432.588
7. Chi phí bán hàng	24		1.882.444.251	62.705.627.695
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.639.147.082	8.581.013.470
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		105.669.360.412	69.945.969.790
10. Thu nhập khác	31		4.453.254.329	29.708.932.442
11. Chi phí khác	32		4.443.454.329	37.361.445.397
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		9.800.000	(7.652.512.955)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		105.679.160.412	62.293.456.835
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	26.303.959.279	15.573.364.209
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	8	(2.972.043.989)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>82.347.245.122</u>	<u>46.720.092.626</u>



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập biểu



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/5/2013	
		2014	đến 31/12/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105.679.160.412	62.293.456.835
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.470.759.160	11.693.446.400
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.053.433.417)	7.385.531.755
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	117.096.486.155	81.372.434.990
- Thay đổi các khoản phải thu	09	29.480.869.738	(31.649.259.240)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.632.043.806)	904.204.760
- Thay đổi các khoản phải trả	11	4.916.105.925	11.831.288.723
- Thay đổi chi phí trả trước	12	288.308.573	(241.681.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.158.774.798)	(17.769.411.526)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	53.580.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.393.631.137)	(638.809.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	127.597.320.650	43.862.346.769
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.088.199.448)	(9.407.538.692)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	29.708.932.442
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(11.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.053.433.417	199.432.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.034.766.031)	20.500.826.338
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(26.535.665.563)	(31.891.025.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.535.665.563)	(31.891.025.338)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	87.026.889.056	32.472.147.769
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	44.320.077.195	11.847.929.426
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	131.346.966.251	44.320.077.195


Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập biểu

Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởngPhạm Tiên Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 11 tháng 4 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ/kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	3 - 5

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ/kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm/kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm/kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	301.651.245	180.186.042
Tiền gửi ngân hàng	14.203.478.769	14.753.891.153
Các khoản tương đương tiền	116.841.836.237	29.386.000.000
	<u><b>131.346.966.251</b></u>	<u><b>44.320.077.195</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4% đến 4,5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn hơn ba tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,6% đến 5,9%.

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	8.683.527.273	155.522.572.044	1.828.193.863	2.660.029.556	168.694.322.736
Tăng trong năm	-	-	300.260.000	-	300.260.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	7.204.769.602	76.360.000	-	7.281.129.602
Tại ngày 31/12/2014	<u>8.683.527.273</u>	<u>162.727.341.646</u>	<u>2.204.813.863</u>	<u>2.660.029.556</u>	<u>176.275.712.338</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	607.846.911	125.331.059.717	358.405.456	2.230.901.520	128.528.213.604
Khấu hao trong năm	<u>347.341.092</u>	<u>14.490.538.273</u>	<u>336.995.412</u>	<u>295.884.383</u>	<u>15.470.759.160</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>955.188.003</u>	<u>139.821.597.990</u>	<u>695.400.868</u>	<u>2.526.785.903</u>	<u>143.998.972.764</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.728.339.270</u>	<u>22.905.743.656</u>	<u>1.509.412.995</u>	<u>133.243.653</u>	<u>32.276.739.574</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>8.075.680.362</u>	<u>30.191.512.327</u>	<u>1.469.788.407</u>	<u>429.128.036</u>	<u>40.166.109.132</u>

Nguyên giá của tài sản cố định, hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 77.660.768.594 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 57.857.952.701 đồng).

**8. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả VND
Tại ngày 01/01/2014	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	(2.972.043.989)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(2.972.043.989)</u>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	836.375.771	4.020.822.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.581.332.283	4.436.147.802
Thuế thu nhập cá nhân	19.009.484	16.244.702
	<u>10.436.717.538</u>	<u>8.473.215.393</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	328.788.920	288.247.125
Phải trả ký quỹ ngắn hạn	448.900.000	460.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	5.050.475.146	3.743.281.282
Khác	1.786.898.042	1.833.644.129
	<u><b>7.615.062.108</b></u>	<u><b>6.325.172.536</b></u>

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn cổ phần đã phát hành**

	Tại ngày 31/12/2014 và 31/12/2013	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	4.200.000	42.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	4.200.000	42.000.000.000

**Cổ phần**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	4.200.000	4.200.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2014		31/12/2013	
	%	<u>VND</u>	%	<u>VND</u>
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	51,00	21.420.000.000	51,00	21.420.000.000
Ông Phạm Công Tú	13,50	5.670.000.000	13,50	5.670.000.000
Bà Phạm Thị Kim Chung	13,00	5.460.000.000	19,50	8.190.000.000
Viet Thành Cable Investments Limited	12,50	5.250.000.000	-	-
Ông Phạm Tiến Hiệp	9,26	3.890.000.000	15,26	6.410.000.000
Cổ đông khác	0,74	310.000.000	0,74	310.000.000
	<u><b>100,00</b></u>	<u><b>42.000.000.000</b></u>	<u><b>100,00</b></u>	<u><b>42.000.000.000</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/5/2013	42.000.000.000	-	32.062.633.650	74.062.633.650
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	46.720.092.626	46.720.092.626
Chia cổ tức	-	-	(31.931.414.363)	(31.931.414.363)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(467.200.926)	(467.200.926)
Giảm khác	-	-	(131.219.287)	(131.219.287)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>46.252.891.700</b>	<b>88.252.891.700</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	82.347.245.122	82.347.245.122
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	19.717.226.137	(19.717.226.137)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	(823.472.451)	(823.472.451)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(792.000.000)	(792.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(26.535.665.563)	(26.535.665.563)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>19.717.226.137</b>	<b>80.731.772.671</b>	<b>142.448.998.808</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 23 tháng 4 năm 2014, Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và chia cổ tức cho cổ đông với số tiền lần lượt là 19.717.226.137 đồng, 396.000.000 đồng và 26.535.665.563 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(\*\*) Trong năm 2014, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 1% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**12. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet) và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình). Hoạt động viễn thông có dây và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Đồng Nai. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013 VND
Doanh thu hòa mạng	1.185.796.364	1.187.369.182
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	200.371.236.605	132.995.856.270
Doanh thu dịch vụ internet	7.957.110.826	4.643.057.156
Doanh thu bán vật tư	1.643.692.257	821.438.456
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	5.548.727.243	2.906.429.235
	<b>216.706.563.295</b>	<b>142.554.150.299</b>
Hàng bán bị trả lại	-	384.909.119
	<b>216.706.563.295</b>	<b>142.169.241.180</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.497.399.596	1.136.062.813
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	90.071.645.371	-
	<b>97.569.044.967</b>	<b>1.136.062.813</b>

**15. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.240.513.823	5.333.169.354
Chi phí nhân công	32.540.967.783	20.583.368.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.470.759.160	11.693.446.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.389.763.325	33.604.319.260
Chi phí khác	3.448.632.209	1.208.400.712
	<b>115.090.636.300</b>	<b>72.422.703.978</b>

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.679.160.412	62.293.456.835
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	13.509.290.860	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>119.188.451.272</b>	<b>62.293.456.835</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.221.459.279</b>	<b>15.573.364.209</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm trước	82.500.000	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>26.303.959.279</b>	<b>15.573.364.209</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**17. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ	7.053.275.823	2.886.617.121

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.685.057.728	450.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.011.553.449	262.500.000
	<u><u>10.696.611.177</u></u>	<u><u>712.500.000</u></u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Đồng Nai. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm.

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	131.346.966.251	44.320.077.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.473.038.744	36.016.309.900
Các khoản ký quỹ	308.500.000	143.820.000
<b>Tổng</b>	<u><u>140.128.504.995</u></u>	<u><u>80.480.207.095</u></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	22.629.605.825	29.004.793.048
Chi phí phải trả	15.546.048.534	475.087.426
<b>Tổng</b>	<u><u>38.175.654.359</u></u>	<u><u>29.479.880.474</u></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm/kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm/kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.346.966.251	-	131.346.966.251
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.473.038.744	-	8.473.038.744
Các khoản ký quỹ	-	308.500.000	308.500.000
<b>Tổng</b>	<b>139.820.004.995</b>	<b>308.500.000</b>	<b>140.128.504.995</b>
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.629.605.825	-	22.629.605.825
Chi phí phải trả	15.546.048.534	-	15.546.048.534
<b>Tổng</b>	<b>38.175.654.359</b>	<b>-</b>	<b>38.175.654.359</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>101.644.350.636</b>	<b>308.500.000</b>	<b>101.952.850.636</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.320.077.195	-	44.320.077.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.016.309.900	-	36.016.309.900
Các khoản ký quỹ	-	143.820.000	143.820.000
<b>Tổng</b>	<b>80.336.387.095</b>	<b>143.820.000</b>	<b>80.480.207.095</b>
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	29.004.793.048	-	29.004.793.048
Chi phí phải trả	475.087.426	-	475.087.426
<b>Tổng</b>	<b>29.479.880.474</b>	<b>-</b>	<b>29.479.880.474</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>50.856.506.621</b>	<b>143.820.000</b>	<b>51.000.326.621</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

01/2500  
CHI NH  
CÔNG  
ÁCH NHIỆM  
DELOIT  
VIỆT N  
7 - TP.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	Công ty có liên quan
Ông Phạm Công Tú	Cổ đông
Bà Phạm Thị Kim Chung	Cổ đông
Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc/Cổ đông

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
<b>Chi phí thuê văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	1.187.305.152	-
Bà Phạm Thị Kim Chung	145.454.545	-
Ông Phạm Tiến Hiệp	141.000.000	120.000.000
<b>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán tài sản cố định</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt		28.872.678.681
Phạm Tiến Hiệp		836.253.761
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	7.005.732.235	
Ông Phạm Công Tú	4.866.862.949	
Bà Phạm Thị Kim Chung	7.858.712.456	
Ông Phạm Tiến Hiệp	5.328.065.946	

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm/kỳ như sau:

	2014	Từ 01/5/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.088.139.990	531.786.046

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	-	31.457.446.549
Ông Phạm Tiến Hiệp	-	919.879.136

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động 12 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính năm trước được lập cho giai đoạn ngắn hơn 12 tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 (ngày chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, không có số liệu so sánh cùng kỳ đối với báo cáo **kết quả hoạt động kinh doanh**, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan trong báo cáo tài chính kỳ hiện hành.

Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập biểu

Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2015

